TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 991/2024/HC-PT
Ngày: 11-9-2024
"V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Trần Văn Đạt

***- Thư ký phiên toà*:** ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 442/2024/TLPT- HC ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc *"Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai về"*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2023/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2772/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Lê Thanh L, sinh năm 1948. Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện X. Địa chỉ: số A Quốc lộ E, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật của người bị kiện: bà Lê Thị Trang Đ - Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Lê Hoài N - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Lê Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày: ông Lê Thanh L khởi kiện Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện X về việc không bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 400m^2 đất của gia đình ông tọa lạc tại Tổ A, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để thực hiện dự án Khu dân cư B - B (gọi tắt là dự án 773) theo Biên bản kiểm kê ngày 08/3/1995 của Ban chỉ đạo giải tỏa, quy hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện X.

Căn cứ để khởi kiện Hành vi hành chính như sau:

Về nguồn gốc diện tích đất khoảng 400m^2 là vào năm 1992 ông L khai phá được diện tích 1.076m^2, nhưng khi đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) thì diện tích được cấp giấy là 676m^2, còn lại diện tích 400m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ, nhưng ông L vẫn tiếp tục canh tác và sử dụng từ năm 1993.

Ngày 15/01/1993, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 114/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án đầu tư di dân phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế mới B, huyện X.

Ngày 28/12/1994, UBND tỉnh ban hành Quyết định 1996/QĐ-UBT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu D, huyện X; trong đó, giao UBND huyện X làm chủ đầu tư để sắp xếp chỗ ở cho khoảng 600 hộ dân trong khu vực.

Ngày 22/7/1996, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBT về việc thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư khai thác đất sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi mặt nước, ven biển vùng B, huyện X, ủy quyền Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp Ban quản lý dự án và tiếp nhận bàn giao về công việc và các vấn đề khác liên quan còn tồn tại từ chủ đầu tư di dân phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế mới B, huyện X.

Ngày 30/12/1998, UBND tỉnh có Văn bản số 4321/UB-VP tạm ngưng dự án và quyết toán giai đoạn 01 vào tháng 01/1999. Trong đó Ban quản lý đã thu hồi diện tích 400m^2 đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm) khai phá năm 1992 để thực hiện giai đoạn 01. Nhưng đến nay Ban quản lý dự án 773 vẫn chưa thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi diện tích 400m^2 cho ông L.

Ngày 02/7/2021, Thanh tra huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lập biên bản "Về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và việc thu hồi để triển khai Dự án 773 xã B". Đại diện Thanh tra huyện X đã lấy ý kiến của các hộ dân về việc triển khai thực hiện dự án, thu hồi đất và bồi thường (hỗ trợ) để thực hiện dự án, Cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân trong đó có ý kiến của ông L.

Đến ngày 25/10/2021, Thanh tra huyện X lập Biên bản "Thông báo kết quả rà soát việc thu hồi đất và triển khai Dự án 773 xã B", đại diện Thanh tra huyện X bà Chu Thị Thanh P có ý kiến kết luận như sau: *"Trên kết quả xác minh và rà soát mà Thanh tra Huyện đã trình bày; việc trình bày ý kiến của ông* L *và bà* M*, Thanh tra Huyện ghi nhận, kiểm tra, rà soát lại"*. Từ thời điểm lập Biên bản "Thông qua kết quả rà soát việc thu hồi đất và triển khai Dự án 773 xã B" đến nay đã hơn 100 ngày nhưng Chủ tịch UBND huyện X không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc Quyết định hành chính đối với yêu cầu của ông L.

Ngày 21/3/2022, ông L làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện X và đồng kính gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại. Đến ngày 07/4/2022, ông L nhận được Văn bản số 155/BTCD về việc chuyển đơn của công dân ngày 29/3/2022 của Văn phòng UBND tỉnh B chuyển đơn đến UBND huyện X để giải quyết. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện X.

Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ủy ban nhân dân huyện X phải bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi 400m^2 đất của gia đình ông (Lê Thanh L) tọa lạc tại Tổ A, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để thực hiện dự án Khu dân cư B - B, huyện X (gọi tắt là dự án 773) theo Biên bản kiểm kê ngày 08/3/1995 của Ban chỉ đạo giải tỏa, quy hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện X.

- *Người bị kiện,* UBND huyện X *có văn bản ý kiến về vụ kiện:*

1. Việc triển khai thực hiện dự án 773 xã B*:*

Ngày 28/12/1994, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 1996/QĐ.UBT phê duyệt luận chứng kinh tế - Kỹ thuật xây dựng cơ sở hạ tầng khu B - B, huyện X (là một phần của Dự án 773 xã B, mục tiêu của công trình là xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh, để sắp xếp và tạo chỗ ở ổn định, an toàn, sạch sẽ cho khoảng 600 hộ dân tại khu vực).

Ngày 07/01/1995, UBND huyện X ban hành Quyết định số 02/QĐ.UBH thành lập Ban giải tỏa - đền bù khu vực quy hoạch vùng B - B, do ông Mai Văn D - Phó Chủ tịch UBND Huyện - Trưởng Ban.

Ngày 09/06/1995, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBT thành lập Ban Q2 hạ tầng khu B, xã B do ông Mai Văn D - Phó Chủ tịch UBND Huyện - Trưởng Ban.

Ngày 22/7/1996, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBT thành lập Ban Quản lý dự án khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi mặt nước, ven biển vùng B, huyện X (gọi tắt là Dự án 773 B). Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu B, xã B (thuộc một phần của Dự án 773) có diện tích 17,57 ha với tổng mức vốn đầu tư là 14.120 triệu đồng (chưa tính kinh phí đền bù, giải toả). Tuy nhiên, khi thực hiện được giai đoạn 1 của Công trình, gồm 210 lô đất (nền nhà) trên diện tích 2.940m^2 với số vốn đầu tư là 4.005.846.000 đồng) thì hết kinh phí và sự thiếu phối hợp của một số hộ dân nên phải dừng thực hiện. Sau đó, Ban Q3

đã báo cáo UBND Tỉnh cho quyết toán giai đoạn 1 của Công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng khu B, xã B và xin chủ trương thực hiện giai đoạn 2. Tuy nhiên, UBND Tỉnh không cho chủ trương thực hiện giai đoạn 2 nên toàn bộ dự án đã dừng lại.

2. Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L*:*

Quá trình khởi kiện ông Lê Thanh Long cung c biên bản kiểm kê và Biên bản xác minh nguồn gốc đất do UBND xã B xác nhận ngày 21/8/1996.

- Bản sao Biên bản kiểm kê ngày 08/3/1995: Thành phần ghi tại Mục Đại diện Ban Chỉ đạo giải tỏa, quy hoạch gồm các ông Võ Xuân B, ông Nguyễn Văn N1; ông Nguyễn Đình T1, ông Đỗ T2, (không ghi chức danh). Đại diện chủ hộ: ông Lê Thanh L; diện tích kiểm kê: 400m^2; về nguồn gốc tự khai phá năm 1993; về chủ hộ có một chữ ký viết tay, ghi tên Lê Thăng L1; Ban chỉ đạo có 1 chữ ký ghi Võ Xuân B.

- Bản sao Biên bản kiểm kê ghi ngày 21/02/1995: thành phần ghi tại Mục Đại diện Ban Chỉ đạo giải tỏa, quy hoạch gồm các ông: Nguyễn Văn N1, Đỗ T2, Hà Xuân N2, Nguyễn Đình T1; đại diện chủ hộ: ông Lê Thanh L; diện tích kiểm kê: 400m^2; về nguồn gốc tự khai phá năm 1992-1995; về chủ hộ có một chữ ký viết tay, ghi tên Lê Thăng L1; thành phần tham gia có ký tên.

Theo Quyết định số 02/QĐ.UBH ngày 07/01/1995 của UBND huyện X về việc thành lập Ban giải tỏa - đền bù khu vực quy hoạch vùng B - B, thì thành phần Ban giải tỏa - đền bù gồm có: Ông Mai Văn D - Trưởng Ban, bà Trần Thị Tuyết C - Phó Ban Thường trực, ông Võ Hoàng B1 - Phó Ban; 09 thành viên: Ông Nguyễn Văn T3 (nay đã mất), ông Nguyễn Thanh P1, ông Nguyễn Viết T4, ông Nguyễn Văn T5, ông Lâm Quang D1, ông Đỗ Đình G (nay đã mất), ông Huỳnh Văn M1 (nay đã mất), ông Nguyễn Ngọc L2 và bà Đinh Thị H.

Như vậy, Biên bản kiểm kê không có bất kỳ thành phần nào thuộc Ban Giải tỏa - đền bù khu vực quy hoạch vùng B - B theo như Quyết định số 02/QĐ.UBND nêu trên; các thành viên có tên trong Biên bản kiểm kê không có quyết định thành lập, không được phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể; Biên bản kiểm kê chỉ ghi diện tích 400m^2 đất, không có sơ đồ kích thước mô tả và không được UBND xã B xác nhận.

Bản sao Biên bản xác minh nguồn gốc đất do UBND xã B lập ngày 21/8/1996, chủ sử dụng đất: ông Lê Thanh L, biên bản thể hiện vị trí khu đất, kích thước khu đất, các hộ giáp ranh ký tên và được ông Nguyễn Văn N1 cán bộ địa chính và ông Võ Hoàng B1 - Chủ tịch UBND xã B xác nhận ngày 11/9/1996, nội dung xác nhận như sau: "*Đất của ông bà* Lê Thanh L *tọa lạc ấp TB4 với tổng diện tích 1.560m^2 trong đó 300m^2 thổ cư; nguồn gốc đất này do ông* L *sang nhượng lại của ông* Ngô L3 *và sau đó khai phá thêm đến năm 1995 ổng đã cắt 165m^2 chuyển nhượng cho ông* Cao Văn H1*, đất không tranh chấp với ai, thuế nghĩa vụ hàng năm tốt".*

3. Quy định của pháp luật về điều kiện để được đền B2 thường do thu hồi đất (có hiệu lực tại thời điểm triển khai thực hiện Dự án 773):

- Điều 15 Nghị định 90-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ ban hành quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng và mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định: "*Tổ chức, cả nhân có đất bị thu hồi được quyền kê khai diện tích, hạng đất, loại đất, vị trí của đất, số lượng tài sản ... hiện có trên đất gửi UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi. UBND xã, phường, thị trấn kiểm tra, xác nhận vào từng bản kê khai tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng quỹ đất chuyên dùng để đền bù thiệt hại tại xã để báo cáo cho UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và gửi cho Ban chỉ đạo thu hồi đất cấp tỉnh".*

- Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định:

Điều 6. Điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất Người bị Nhà nước thu hồi đất được đền bù thiệt hại phải có một trong các điều kiện sau đây:

"1. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai,

3. Có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

4. Có giấy tờ thanh lý, hóa giả, mua nhà thuộc sở hữu Nhà nước cùng với nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật hoặc quyết định giao nhà ở hoặc cấp nhà ở gắn liền với đất ở thuộc sở hữu Nhà nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

5. Bản án có hiệu lực thi hành của Tòa án nhân dân về việc giải quyết tranh chấp nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai;

6. Trường hợp không có các giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này, người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại phải có các giấy tờ chứng minh được đất bị thu hồi là đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đất đã sử dụng ổn định trước ngày 08/01/1988 được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

b) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N3*, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa* miền N Việt Nam *và Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà người được giao đất vẫn tiếp tục sử dụng đất từ đó đến ngày bị thu hồi,*

c) Có giấy tờ hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất, mà người đó vẫn sử dụng liên tục từ khi được cấp đến ngày đất bị thu hồi:

d) Có giấy tờ mua, bán đất trước ngày 18/12/1980 hoặc có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong thời gian từ 18/ 12/1980 đến ngày 15/10/1993 của người sử dụng đất hợp pháp được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận,

đ) Có giấy tờ mua, bán nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993;

e) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp hoặc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, Sở Địa chính cấp theo uỷ quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc có tên trong sổ địa chính nay vẫn tiếp tục sử dụng;

7. Người nhận chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đất đó của người sử dụng thuộc đối tượng có đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ;

8. Người tự khai hoang đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối trước ngày 15/10/1993 và liên tục sử dụng cho đến khi thu hồi đất, không có tranh chấp và làm đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước";

Điều 7. Người không được đền bù thiệt hại về đất:

"Người bị thu hồi đất không có một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này hoặc tại thời điểm sử dụng đất vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình, người chiếm đất trái phép, thì khi Nhà nước thu hồi đất không được đền bù thiệt hại về đất. Trong trường hợp xét thấy cần hỗ trợ thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể".

Ngoài bản sao Biên bản kiểm kê thì ông L không có giấy tờ, tài liệu nào khác để chứng minh việc Ban Quản lý Dự án 773 lấy 400m^2 đất của ông để thực hiện dự án, nên không có cơ sở để đền bù, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

- *Người làm chứng*: ông Hà Xuân N2 trình bày: *"Tôi* Hà Xuân N2 *trong đoàn kiểm tra đất của ông* Lê Thanh L *là đúng như đơn"* của ông L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2023/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu **đã tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L về việc yêu cầu UBND huyện X bồi thường diện tích đất 400m^2 thể hiện tại "*Biên bản xác minh nguồn gốc đất*" ngày 01/8/1994 và "*Biên bản kiểm kê*" ngày 08/3/1995.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2023, người khởi kiện ông Lê Thanh L kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày khi khi thu hồi đất làm dự án, đoàn đo đạc xác định ông bị thu hồi 400m^2 đất nhưng không bồi thường cho ông là thiệt hại cho ông nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn giữ nguyên các ý kiến tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện khi thực hiện dự án, Ủy ban có thu hồi đất của ông L nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông L kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người người bị kiện vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt từ cấp sơ thẩm nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện

[2.1] Theo Đơn khiếu nại ngày 09/9/2012 gửi đến UBND huyện X, ông Lê Thanh L cho rằng: năm 199, ông có sang nhượng lại của ông Ngô L3 ở cùng ấp 1 cái vườn, số hoa màu như sau: 24 cây dừa có trái, 12 cây dừa có trái, tổng diện tích 1.500m^2, ông đã cất nhà ở và làm ăn sinh sống. Kể từ năm 1992 cho đến năm 1995, ông ra công khai phá tiếp được số diện tích 1.076m^2, diện tích được nằm trong sổ đỏ 676m^2, còn lại 400m^2 vào năm 1995 xã có lập một tổ cán bộ đi lấy đất của dân đưa qua dự án 773 hết 400m^2.

[2.2] Tuy thời hiệu khiếu nại của ông L đã hết, nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, UBND huyện xuyên Mộc đã phân công các cơ quan có thẩm quyền xác minh, kiểm tra nội dung đơn khiếu nại và đơn đề nghị của ông L. Kết quả: theo hồ sơ, tài liệu liên quan do ông Long cung c "*Biên bản xác minh nguồn gốc đất*" ngày 01/8/1994 và "*Biên bản kiểm kê*" ngày 08/3/1995 (bản sao), sau khi nhà nước lấy đất làm đường, ông L không khiếu nại gì. Năm 2012 ông L mới khiếu nại.

[2.3] Ông L không chứng minh được lý do bất khả kháng trong việc gửi đơn khiếu nại. Ông khiếu nại nhưng không xuất trình được giấy tờ chứng minh về việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất qua các thời kỳ. Ông không có bất cứ giấy tờ gì về đất đai, về quyền sử dụng đất hợp pháp. Trong khi đó, Biên bản kiểm kê năm 1995 do ông Long cung c cũng không phải là một trong những loại giấy tờ theo quy định tại Điều 50 luật Đất đai năm 2003, Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

[2.4] Tài liệu do ông Long cung c chỉ có bản sao Biên bản kiểm kê ngày 21/02/1995; ngày 08/3/1995. Biên bản xác minh nguồn gốc đất (photo) do UBND xã B lập ngày 21/8/1996 và Văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 22/8/1996.

- Đối với Bản sao Biên bản kiểm kê ngày 08/3/1995: thành phần ghi tại Mục Đại diện Ban Chỉ đạo giải tỏa, quy hoạch gồm các ông Võ Xuân B, ông Nguyễn Văn N1; ông Nguyễn Đình T1, ông Đỗ T2, (không ghi chức danh). Đại diện chủ hộ: ông Lê Thanh L; diện tích kiểm kê: 400m^2; về nguồn gốc tự khai phá năm 1993; về chủ hộ có một chữ ký viết tay, ghi tên Lê Thăng L1; Ban chỉ đạo có 1 chữ ký ghi Võ Xuân B.

- Đối với Bản sao Biên bản kiểm kê ghi ngày 21/02/1995: thành phần ghi tại Mục Đại diện Ban Chỉ đạo giải tỏa, quy hoạch gồm các ông: Nguyễn Văn N1, Đỗ T2, Hà Xuân N2, Nguyễn Đình T1; đại diện chủ hộ: ông Lê Thanh L; diện tích kiểm kê: 400m^2; về nguồn gốc tự khai phá năm 1992-1995; về chủ hộ có một chữ ký viết tay, ghi tên Lê Thăng L1; thành phần tham gia có ký tên.

[2.5] Theo Quyết định số 02/QĐ.UBH ngày 07/01/1995 của UBND huyện X về việc thành lập Ban giải tỏa - đền bù khu vực quy hoạch vùng B - B, thì thành phần Ban giải tỏa - đền bù không có ông Nguyễn Văn N1, Đỗ T2, Hà Xuân N2, Nguyễn Đình T1. Như vậy, Biên bản kiểm kê không có bất kỳ thành phần nào thuộc Ban Giải tỏa - đền bù khu vực quy hoạch vùng B - B theo như Quyết định số 02/QĐ.UBND nêu trên. Các thành viên có tên trong Biên bản kiểm kê không có quyết định thành lập, không được phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể; Biên bản kiểm kê chỉ ghi diện tích 400m^2 đất, không có sơ đồ vị trí, kích thước mô tả và không được UBND xã B xác nhận. Biên bản kiểm kê này không phải là cơ sở để xác định về quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông L1.

[2.6] Trong khi đó, bản sao Biên bản xác minh nguồn gốc đất do UBND xã B lập ngày 21/8/1996, chủ sử dụng đất: ông Lê Thanh L, biên bản thể hiện vị trí khu 2 đất, kích thước khu đất, các hộ giáp ranh ký tên và được ông Nguyễn Văn N1 - cán bộ địa chính và ông Võ Hoàng B1 - Chủ tịch UBND xã B xác nhận ngày 11/9/1996, nội dung xác nhận như sau: "*Đất của ông bà* Lê Thanh L *tọa lạc ấp TB4 với tổng diện tích 1.560m^2 trong đó 300m^2 thổ cư; nguồn gốc đất này do ông* L *sang nhượng lại của ông* Ngô L3 *và sau đó khai phá thêm đến năm 1995 ông đã cắt 165m^2 chuyển nhượng cho ông* Cao Văn H1*, đất không tranh chấp với ai, thuế nghĩa vụ hàng năm tốt".*

[2.7] Văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 22/8/1996 bên chuyển nhượng là ông Lê Thanh L, bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Đông Q, văn bản chuyển nhượng được ông Phạm Văn T6 - cán bộ địa chính ký xác nhận ngày 26/8/1996 và ông Võ Hoàng B1 - Chủ tịch UBND xã B xác nhận ngày 11/9/1996, nội dung xác nhận như sau: "*Bên chuyển nhượng ông* Lê Thanh L, Nguyễn Thị D2 *bên được chuyển nhượng là ông* Nguyễn Đăng Q1*, đất của ông bà* Lê Thanh L *tọa lạc tại ấp TB4 với diện tích 1.560m^2 nguồn gốc đất này là do ông* L *chuyển nhượng lại của ông* Ngô L3 *năm 1992 đến năm 1995 ông* L *cắt bớt 165m^2 chuyển nhượng lại cho ông* Cao Văn H1*, điều kiện kinh tế khó khăn, ông bà* L *đồng ý cắt tiếp 1 phần đất nữa nay để chuyển nhượng lại cho ông* Nguyễn Đăng Q1 *203m^2, hai bên đã đồng ý ký tên vào văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chấp hành tốt mọi quy định luật đất đai".*

[2.8] Theo nội dung đơn khiếu nại năm 2012 ông L cho rằng: "*Năm 1992, ông có sang nhượng lại của ông* Ngô Lường t *diện tích 1.500m^2, cất nhà ở và làm ăn sinh sống, kể từ năm 1992 cho đến năm 1995 Ông ra công khai phá tiếp được số diện tích 1.076m^2, diện tích được nằm trong sổ đỏ 676m^2, còn lại 400m^2 vào năm 1995 xã có lập một tổ cán bộ đi lấy đất của dân đưa qua dự án 773 hết 400m^2* ...". Như vậy, tổng diện tích mà ông L vừa nhận chuyển nhượng vừa khai phá là: **2.576m^2** (thời điểm trước khi Dự án 773 triển khai). Năm 1996, ông L đã tách từ diện tích mua của ông L3 sang nhượng cho ông Cao Văn H1: **165m^2** và ông Nguyễn Đăng Q1 **203m^2**, sau khi đã chuyển nhượng cộng cả diện tích mà ông L khai phá còn lại: **2.208m^2**. Đến năm 1998, ông L được UBND huyện X cấp GCNQSD đất số L 606576 ngày 27/8/1998 **diện tích 2.176**m^2 thửa 485 tờ 35. Như vậy, diện tích mà ông còn lại tại thời điểm 1996 (sau thời điểm có bản kiểm kê) với diện tích ông L được cấp GCNQSDĐ là phù hợp (chênh lệch **32m**^{2} do chỉ ranh và sai số đo đạc).

[2.9] Như vậy, không có căn cứ xác định Ủy ban nhân dân huyện X đã thu hồi đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Lê Thanh L để thực hiện Dự án 773, nên không có cơ sở để đền bù, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ.

[3] Ông L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị là có căn cứ.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Thanh L phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Thanh L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2023/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Lê Thanh L được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Dương Tuấn Vinh	**Trần Văn Đạt**	**Nguyễn Thị Cúc**